QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HOẰNG PHƯỢNG ĐẾN NĂM 2030

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT; HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT

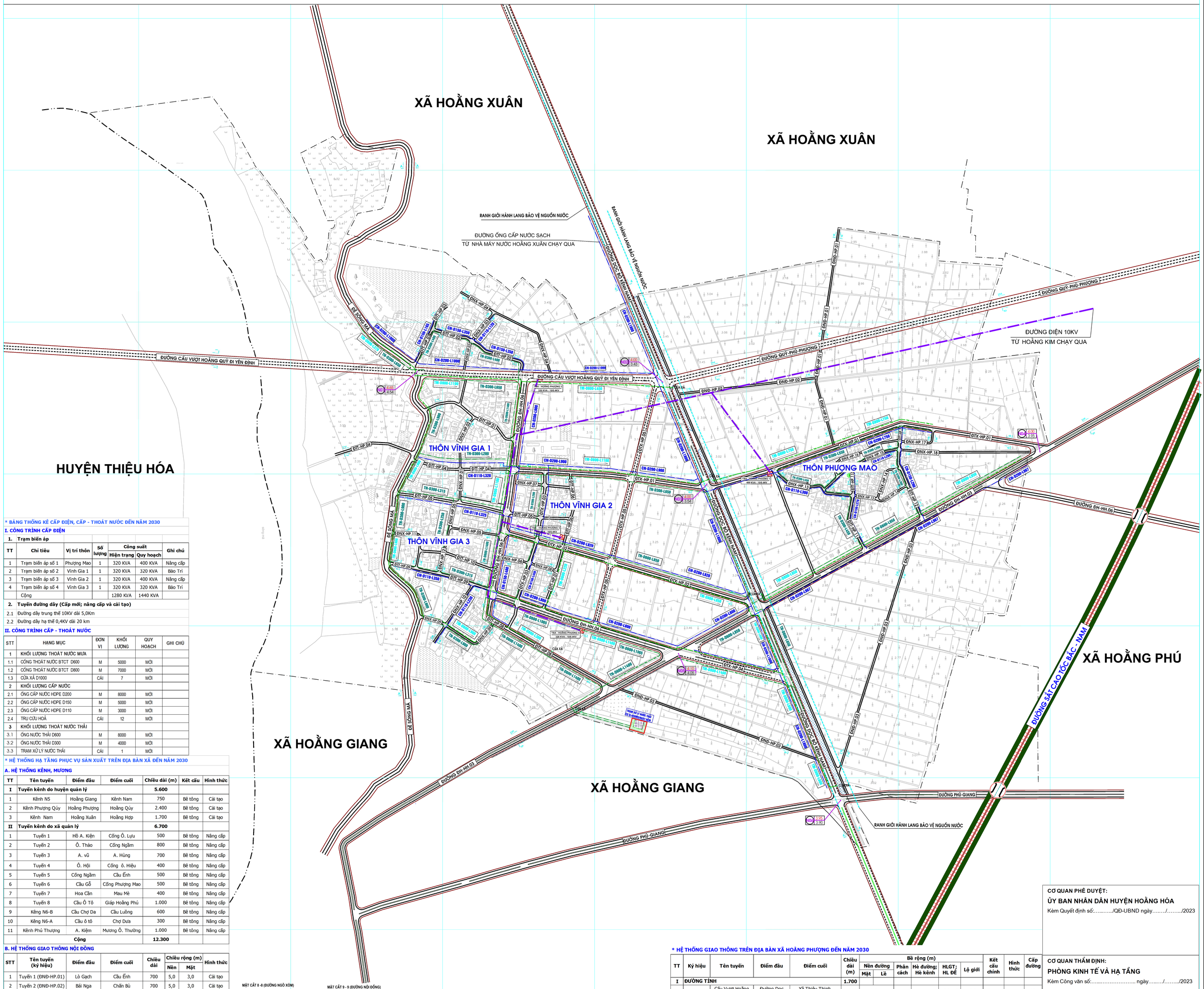

*** BẢNG THỐNG KÊ CẤP ĐIỆN, CẤP - THOÁT NƯỚC ĐẾN NĂM 2030**

I. CÔNG TRÌNH CẤP ĐIỆN

1. Trạm biến áp

TT	Chỉ tiêu	Vị trí thôn	Số lượng	Công suất		Ghi chú
				Hiện trạng	Quy hoạch	
1	Trạm biến áp số 1	Phượng Mao	1	320 KVA	400 KVA	Nâng cấp
2	Trạm biến áp số 2	Vĩnh Gia 1	1	320 KVA	320 KVA	Bảo Trì
3	Trạm biến áp số 3	Vĩnh Gia 2	1	320 KVA	400 KVA	Nâng cấp
4	Trạm biến áp số 4	Vĩnh Gia 3	1	320 KVA	320 KVA	Bảo Trì
	Cộng			1280 KVA	1440 KVA	

2. Tuyến đường dây (Cấp mới; nâng cấp và cải tạo)

2.1 Đường dây trung thế 10KV dài 5,0Km

2.2 Đường dây hạ thế 0,4KV dài 20 km

II. CÔNG TRÌNH CẤP - THOÁT NƯỚC

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	QUY HOẠCH	GHI CHÚ
1	KHỐI LƯỢNG THOÁT NƯỚC MƯA				
1.1	CỐNG THOÁT NƯỚC BTCT D600	M	5000	MỚI	
1.2	CỐNG THOÁT NƯỚC BTCT D800	M	7000	MỚI	
1.3	CỬA XẢ D1000	CÁI	7	MỚI	
2	KHỐI LƯỢNG CẤP NƯỚC				
2.1	ỐNG CẤP NƯỚC HDPE D200	M	8000	MỚI	
2.2	ỐNG CẤP NƯỚC HDPE D150	M	5000	MỚI	
2.3	ỐNG CẤP NƯỚC HDPE D110	M	3000	MỚI	
2.4	TRỤ CỨU HỎA	CÁI	12	MỚI	
3	KHỐI LƯỢNG THOÁT NƯỚC THẢI				
3.1	ỐNG NƯỚC THẢI D600	M	8000	MỚI	
3.2	ỐNG NƯỚC THẢI D300	M	4000	MỚI	
3.3	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	CÁI	1	MỚI	

*** HỆ THỐNG HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐẾN NĂM 2030**

A. HỆ THỐNG KÊNH, MƯƠNG

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Kết cấu	Hình thức
I	**Tuyến kênh do huyện quản lý**			**5.600**		
1	Kênh N5	Hoằng Giang	Kênh Nam	750	Bê tông	Cải tạo
2	Kênh Phượng Qúy	Hoằng Phượng	Hoằng Qúy	2.400	Bê tông	Cải tạo
3	Kênh Nam	Hoằng Xuân	Hoằng Hợp	1.700	Bê tông	Cải tạo
II	**Tuyến kênh do xã quản lý**			**6.700**		
1	Tuyến 1	Hồ A. Kiện	Cống Ô. Lựu	500	Bê tông	Nâng cấp
2	Tuyến 2	Ô. Thảo	Cống Ngầm	800	Bê tông	Nâng cấp
3	Tuyến 3	A. vũ	A. Hùng	700	Bê tông	Nâng cấp
4	Tuyến 4	Ô. Hội	Cống ô. Hiệu	400	Bê tông	Nâng cấp
5	Tuyến 5	Cống Ngầm	Cầu Ếnh	500	Bê tông	Nâng cấp
6	Tuyến 6	Cầu Gỗ	Cống Phượng Mao	500	Bê tông	Nâng cấp
7	Tuyến 7	Hoa Cần	Mau Mè	400	Bê tông	Nâng cấp
8	Tuyến 8	Cầu Ô Tô	Giáp Hoằng Phú	1.000	Bê tông	Nâng cấp
9	Kêng N6-B	Cầu Chợ Da	Cầu Luỡng	600	Bê tông	Nâng cấp
10	Kêng N6-A	Cầu ô tô	Chợ Dưa	300	Bê tông	Nâng cấp
11	Kênh Phú Thượng	A. Kiệm	Mương Ô. Thường	1.000	Bê tông	Nâng cấp
	Cộng			**12.300**		

B. HỆ THỐNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG

STT	Tên tuyến (ký hiệu)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài	Chiều rộng (m)		Hình thức
					Nền	Mặt	
1	Tuyến 1 (ĐNĐ-HP.01)	Lò Gạch	Cầu Ếnh	700	5,0	3,0	Cải tạo
2	Tuyến 2 (ĐNĐ-HP.02)	Bái Nga	Chấn Bù	700	5,0	3,0	Cải tạo
3	Tuyến 3 (ĐNĐ-HP.03)	Hàng Sâu	Đồng Dưa	800	5,0	3,0	Cải tạo
4	Tuyến 4 (ĐNĐ-HP.04)	Gốc Đa	Gốc Sữa	580	5,0	3,0	Nâng cấp
	Cộng			**2.780**			

*** HỆ THỐNG GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HOẰNG PHƯỢNG ĐẾN NĂM 2030**

TT	Ký hiệu	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)						Kết cấu chính	Hình thức	Cấp đường
						Nền đường		Phân cách	Hè đường; Hè kênh	HLGT; HL ĐÊ	Lộ giới			
						Mặt	Lề							
I	**ĐƯỜNG TỈNH**				**1.700**									
1	TLM	Cầu Vượt Hoằng Quỳ đi Yên Định	Đường Dọc Kênh Nam	Xã Thiệu Thịnh, Huyện Thiệu Hóa	1.700	12,0 x 1				15,0 X 2	42,0	BT Nhựa	Làm Mới	III
II	**ĐƯỜNG HUYỆN**				**6.100**									
1	ĐH-HH.03	Kim - Giang - Hợp	Xã Hoằng Phú	Xã Hoằng Giang	1.800	5,5 x 2		3 x 1	5 x 2		24,0	BT Nhựa	Cải tạo	V
2	ĐH-HH.06	Quý - Phượng	Xã Hoằng Phú	Đê Sông Mã	1.400	7,5 x 2		2 x 1	5 x 2		27,0	BT Nhựa	Cải tạo	V
3	Xuân-Hợp-Cát (Dọc Kênh Nam)		Xã Hoằng Xuân	Xã Hoằng Giang	1.800	8,0 x 2		2,0 x 1	5,0 x 1 3,0 x 1		26,0	BT Nhựa	Làm Mới	V
4	Đường Quý-Phú-Phượng		Xã Hoằng Phú	Đường Dọc Kênh Nam	1.100	9,0				10,0 x 2	29,0	BT Nhựa	Làm Mới	IV
III	**ĐƯỜNG ĐÊ**				**2.300**									
1	Đê Sông Mã		Xã Hoằng Xuân	Xã Hoằng Giang	2.300	9,5				5,0; 25,0		BT Nhựa	Cải tạo	I (Đê)
IV	**ĐƯỜNG TRỤC XÃ**				**4.080**									
1	ĐTX-HP.01	Tuyến trục xã 1	Trường tiểu học	ĐH-HH.03 (Phượng Mao)	1.750	7,5			5 x 2		17,5	BT Nhựa	Cải tạo	VI
2	ĐTX-HP.02	Tuyến trục xã 2	Ô Tiến	Kênh Nam	830	7,5			5 x 2		17,5	BT Nhựa	Cải tạo	VI
3	ĐTX-HP.03	Tuyến trục xã 3	ĐTX-HP.01	Trạm y tế xã	450	7,5			(0÷5) x2		7,5÷17,5	BT Nhựa	Cải tạo	VI
4	ĐTX-HP.04	Tuyến trục xã 4	ĐH-HH.03	Kênh Nam	350	7,5 x 2		2 x 1	5 x 2		27,0	BT Nhựa	Làm Mới	V
5	ĐTX-HP.05	Tuyến trục xã 5	ĐH-HH.06	Đường tỉnh lộ mới	700	7,5			5 x 2		17,5	BT Nhựa	Làm Mới	VI
V	**ĐƯỜNG TRỤC THÔN**				**3.850**									
1	***Thôn Vĩnh Gia 1***				***1.440***									
1.1	ĐTT-HP.01	Tuyến trục thôn 1	B Hoa	Ô Thực	350	3,5	1,5 x 2				6,5	BT Nhựa	Cải tạo	A
1.2	ĐTT-HP.02	Tuyến trục thôn 2	Ô Tĩinh	B Mai	330	3,5	1,5 x 2				6,5	BT Nhựa	Cải tạo	A
1.3	ĐTT-HP.03	Tuyến trục thôn 3	B Hợp	Ô Kiện	210	3,5	1,5 x 2				6,5	BT Nhựa	Cải tạo	A
1.4	ĐTT-HP.04	Tuyến trục thôn 4	B Loan	Bến đò Phùng	550	3,5	1,5 x 2				6,5	BT Nhựa	Cải tạo	A
2	***Thôn Vĩnh Gia 2***				***480***									
2.1	ĐTT-HP.05	Tuyến trục thôn 5	Ô Phán	Ô Thành	230	3,5	1,5 x 2				6,5	BT Nhựa	Cải tạo	A
2.2	ĐTT-HP.06	Tuyến trục thôn 6	Ô Tuyến	Ô Quang	250	3,5	1,5 x 2				6,5	BT Nhựa	Cải tạo	A
3	***Thôn Vĩnh Gia 3***				***1.350***									
3.1	ĐTT-HP.07	Tuyến trục thôn 7	Ô Ba	Ô Công	210	3,5	1,5 x 2				6,5	BT Nhựa	Cải tạo	A
3.2	ĐTT-HP.08	Tuyến trục thôn 8	Ô Cần	ĐH-HH.03	550	7,5			5 x 2		17,5	BT Nhựa	Cải tạo	VI
3.3	ĐTT-HP.09	Tuyến trục thôn 9	Ô Khoái	Ô Tuyên	350	3,5	1,5 x 2				6,5	BT Nhựa	Cải tạo	A
3.4	ĐTT-HP.10	Tuyến trục thôn 10	Ô Cạnh	B Nên	240	3,5	1,5 x 2				6,5	BT Nhựa	Cải tạo	A
4	***Thôn Phượng Mao***				***580***									
4.1	ĐTT-HP.11	Tuyến trục thôn 11	Ô Hảo	Ô Cầu	260	3,5	1,5 x 2				6,5	BT Nhựa	Cải tạo	A
4.2	ĐTT-HP.12	Tuyến trục thôn 12	Ô Lâm	Ô Lụa	320	3,5	1,5 x 2				6,5	BT Nhựa	Cải tạo	A
VI	**ĐƯỜNG NGÕ XÓM**				**3.730**									
1	***Thôn Vĩnh Gia 1***				***980***									
1.1	ĐNX-HP.01	Tuyến ngõ xóm 1	Ô Tước	Ô Cảnh	100	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
1.2	ĐNX-HP.02	Tuyến ngõ xóm 2	Ô Chí	B Hoa	200	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
1.3	ĐNX-HP.03	Tuyến ngõ xóm 3	Ô Tuấn	B Mai	200	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
1.4	ĐNX-HP.04	Tuyến ngõ xóm 4	ĐH-HH.06	Ô Hòa	480	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
2	***Thôn Vĩnh Gia 2***				***450***									
2.1	ĐNX-HP.05	Tuyến ngõ xóm 5	Ô Vính	ĐH-HH.06	250	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
2.2	ĐNX-HP.06	Tuyến ngõ xóm 6	Ô Tại	Ô Não	100	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
2.3	ĐNX-HP.07	Tuyến ngõ xóm 7	Ô Sơn	Ô Dự	100	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
3	***Thôn Vĩnh Gia 3***				***960***									
3.1	ĐNX-HP.08	Tuyến ngõ xóm 8	Ô Nhị	Ô Dũng	100	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
3.2	ĐNX-HP.09	Tuyến ngõ xóm 9	Ô Tướng	Đê Sông Mã	300	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
3.3	ĐNX-HP.10	Tuyến ngõ xóm 10	Ô Giáp	Ô Khiến	220	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
3.4	ĐNX-HP.11	Tuyến ngõ xóm 11	Ô Khâm	Ô Thứ	200	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
3.5	ĐNX-HP.12	Tuyến ngõ xóm 12	Ô Phán	Ô Tám	140	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
4	***Thôn Phượng Mao***				***1.340***									
4.1	ĐNX-HP.13	Tuyến ngõ xóm 13	ĐTX-HP.01	Ô Độ	270	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
4.2	ĐNX-HP.14	Tuyến ngõ xóm 14	Ô Thắng	Ô Tấn	200	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
4.3	ĐNX-HP.15	Tuyến ngõ xóm 15	Ô Lượt	Ô Quyền	280	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
4.4	ĐNX-HP.16	Tuyến ngõ xóm 16	Ô Hòng	B Ngọc	250	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
4.5	ĐNX-HP.17	Tuyến ngõ xóm 17	Ô Bình	Ô Luận	150	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B
4.6	ĐNX-HP.18	Tuyến ngõ xóm 18	Ô Miến	B Khôn	190	3,5	0,75 x 2				5,0	Bê tông	Cải tạo	B

KÝ HIỆU:

- 500kv — ĐƯỜNG ĐIỆN CAO ÁP 500KV QUY HOẠCH
- 220kv — ĐƯỜNG ĐIỆN CAO ÁP 220KV QUY HOẠCH
- 110kv — ĐƯỜNG ĐIỆN CAO ÁP 110KV QUY HOẠCH
- 500kv — ĐƯỜNG ĐIỆN CAO ÁP 500KV HIỆN TRẠNG
- 220kv — ĐƯỜNG ĐIỆN CAO ÁP 220KV HIỆN TRẠNG
- 110kv — ĐƯỜNG ĐIỆN CAO ÁP 110KV HIỆN TRẠNG
- 35KV — ĐƯỜNG ĐIỆN TRUNG ÁP 35KV
- 22kv — ĐƯỜNG ĐIỆN TRUNG ÁP 22KV
- 10KV — ĐƯỜNG ĐIỆN TRUNG ÁP 10KV
- CN — ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC THIẾT KẾ
- TNM — ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
- TN — ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
- RG HÀNH LANG BV NGUỒN NƯỚC
- TRẠM BIẾN ÁP XÂY DỰNG MỚI
- TRẠM BIẾN ÁP HIỆN CÓ
- TRẠM BƠM NƯỚC THẢI
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC SẠCH
- TH-D300-L880 — NƯỚC THẢI-ĐƯỜNG KÍNH-CHIỀU DÀI ỐNG/HƯỚNG THOÁT
- TM-D1000-L250 — NƯỚC MƯA-ĐƯỜNG KÍNH-CHIỀU DÀI ỐNG/HƯỚNG THOÁT
- CN-D110-L425 — CẤP NƯỚC-ĐƯỜNG KÍNH-CHIỀU DÀI ỐNG
- 9.50 / 8.01 — CAO ĐỘ SAN NỀN / CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG
- N50 2.65 / 2.64 — TÊN NÚT GIAO THÔNG
- 3 — TÊN MẶT CẮT GIAO THÔNG
- CỬA XẢ
- ĐTX-TC.01 — ĐƯỜNG TRỤC XÃ
- ĐTT-TC.01 — ĐƯỜNG TRỤC THÔN
- ĐNX-TC.06 — ĐƯỜNG NGÕ XÓM
- ĐNĐ-TC.06 — ĐƯỜNG NỘI ĐỒNG

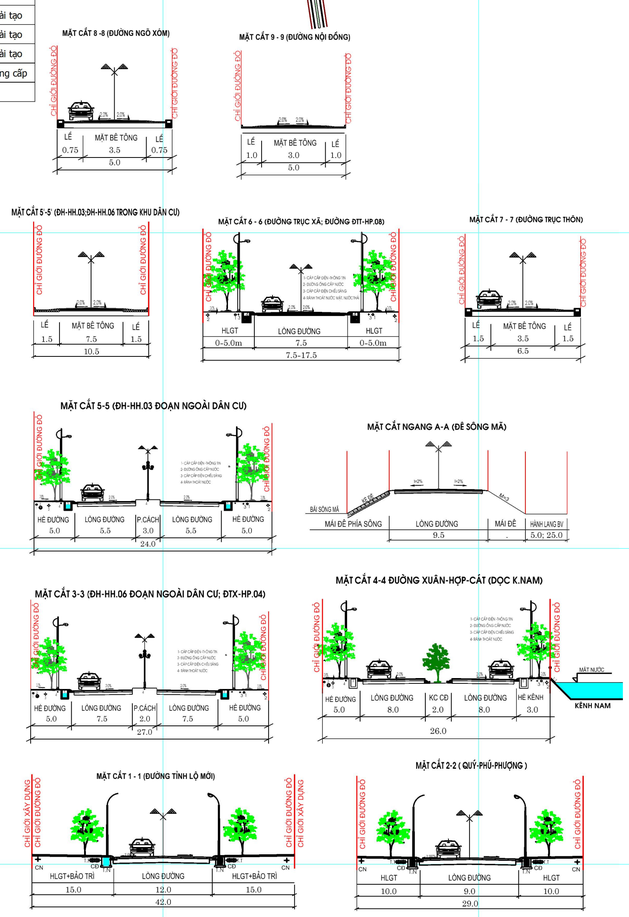

*** BẢNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

1. Giao thông:

- Các tuyến đường được áp dụng theo mặt cắt 1-1 đến 9 - 9.

2. Cấp nước:

- Giai đoạn đầu: Sử dụng giếng khoan và lọc hợp vệ sinh
- Giai đoạn lâu dài: Sử dụng hệ thống nước sạch cung cấp đến từng lô hộ gia đình.

3. Thoát nước mưa.

- Hệ thống thoát nước mưa phải phù hợp với tình hình hiện trạng, các công trình,dự án xung quanh.
- Xây dựng hệ thống cống thoát nước có nắp đan dọc bên đường để đảm bảo thoát nước và mỹ quan.
- Nước mưa sau khi thu gom được tập trung vào hệ thống cống thoát nước mưa quy hoạch rồi thoát ra mương, kênh N5,kênh Hoàng Anh sau đó thoát ra Kênh Nam và các hồ chứa nước trên địa bàn xã.

4. Thoát nước thải:

- Nước thải đều chảy về rãnh có nắp đan chạy song với đường giao thông và thu gom về khu xử lý nước thải, xử lý đạt tiêu chuẩn được xả ra Kênh Nam,Kênh N5 nằm phía Đông,Đông Nam của xã.

4. Cấp điện:

- Nguồn điện: Cấp cho xã được lấy nguồn từ lưới điện trung áp 10KV từ Xã Hoằng Kim chạy qua.
- Đường dây điện: Duy trì đi nổi theo cột điện, cải tạo và nâng cấp tuyến đường dây 20,0Km.
- Trạm điên: Giữ nguyên 04 trạm biến áp tổng công suất 1280KVA, và nâng cấp công suất theo giai đoạn, nhu cầu của khu vực đến năm 2030 là 1440KVA Cấp điện cho sinh hoạt, công cộng, sản xuất.

5. Cây xanh:

- Trồng và bố trí cây xanh ở hành lang giao thông chạy dọc hai bên đường; khuôn viên cây xanh, các khu vực công cộng.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA
Kèm Quyết định số:...../QĐ-UBND ngày...../...../2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG
Kèm Công văn số:..... ngày...../...../2023

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA
Kèm theo văn bản số: ..... ngày...../...../2023

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOẰNG PHƯỢNG
Kèm Tờ trình số:...../TTr-UBND ngày...../...../2023

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HOẰNG PHƯỢNG HUYỆN HOẰNG HÓA ĐẾN NĂM 2030

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG; HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT

BẢN VẼ: QH-05	SỐ MẢNH GHÉP: 01	TỶ LỆ: 1/5 000	NĂM 2023
THIẾT KẾ:	NGUYỄN VĂN HÙNG		
CHỦ TRÌ:	TRẦN DƯƠNG		
Q.L.KỸ THUẬT	LÊ ĐÌNH CHÂU		

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ TƯ VẤN

TRỊNH ĐỨC HÒA

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY ĐỊA CHÍNH, XÂY DỰNG VÀ TIN HỌC ĐỨC HÒA
ĐC: THỊ TRẤN TRIỆU SƠN - TỈNH THANH HÓA
ĐT: 0903210925 - Email: ctduchoa@gmail.com